

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động
của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh
của tổ chức khoa học và công nghệ**

Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.¹

¹ Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP) về điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; hồ sơ và thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập, có vốn nước ngoài, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập, có vốn nước ngoài thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới đăng ký hoạt động cho tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập*: là tổ chức khoa học và công nghệ do một người hoặc một số người tự thành lập.

2. *Lĩnh vực đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ*: là lĩnh vực được quy định cụ thể trong quyết định thành lập hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó.

3. *Ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động có điều kiện*: là ngành, nghề, lĩnh vực mà điều kiện hoạt động được quy định tại các Luật của Quốc hội, Pháp lệnh của

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Giám đốc Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN.

Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ.

4. *Vốn điều lệ*: là mức vốn cần thiết được quy định trong điều lệ mà tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ đầu tư hoặc cam kết đầu tư trong một thời hạn cụ thể (bằng tiền và tài sản) để bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng, điều lệ và lĩnh vực hoạt động.

5. *Cơ sở vật chất - kỹ thuật*: là tài sản (bao gồm: trụ sở, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, máy móc, thiết bị, tài sản khác...) và tiền mà tổ chức có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp nhằm bảo đảm yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng, điều lệ và lĩnh vực hoạt động của tổ chức.

Điều 3. Ngôn ngữ sử dụng và cách thức nộp hồ sơ

1. Hồ sơ và các văn bản chính thức gửi các cơ quan nhà nước Việt Nam được lập bằng tiếng Việt, nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt.

Văn bản, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận trong hồ sơ phải được dịch ra tiếng Việt và được hợp pháp hoá lãnh sự.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép.

Điều 4. Quy định về xem xét hồ sơ

1. Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu xét thấy cần thiết, cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép có quyền:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình để làm rõ các nội dung liên quan tới hồ sơ;

b) Gửi văn bản xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan đối với các ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động mà pháp luật có quy định điều kiện;

c) Lấy ý kiến chuyên gia hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

Thành phần của Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia pháp lý có trình độ và uy tín trong các lĩnh vực liên quan.

2. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ có quy định riêng về điều kiện thành lập và hoạt động, Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Sở Khoa học và Công nghệ) có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà nước về lĩnh vực đó, trừ trường hợp đã xin ý kiến khi thẩm định thành lập.

Điều 5. Đăng ký hoạt động tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học

và Công nghệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ khi đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, đề nghị cấp giấy phép thành lập phải nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Các loại mẫu Giấy chứng nhận, Giấy phép:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Giấy phép) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp theo Mẫu 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy chứng nhận do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận hoạt động) do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập và có vốn nước ngoài theo Mẫu 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP, NGOÀI CÔNG LẬP VÀ CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ lần đầu

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2012/NĐ-CP) thì điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Các tổ chức khoa học và công nghệ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 55/2012/NĐ-CP thì điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học công nghệ quy định tại Điều 4 và Điều 9 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:

Đơn đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyết định thành lập:

Tổ chức khoa học và công nghệ nộp bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định thành lập của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thành lập theo quy định tại Điều 12 Luật khoa học và công nghệ (trừ trường hợp tổ chức do cá nhân thành lập).

a) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập:

Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định thành lập theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

b) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập dưới hình thức góp vốn hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Phải có quyết định thành lập của một bên là cơ quan, tổ chức theo uỷ quyền của các bên góp vốn hợp tác còn lại.

c) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập:

Phải có biên bản họp có chữ ký của những người sáng lập, trong đó thống nhất các nội dung cơ bản liên quan đến điều lệ tổ chức và hoạt động, các chức danh lãnh đạo, quản lý và các nội dung khác.

d) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài sau khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ.

Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài bao gồm các tài liệu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. Đơn đề nghị cho phép thành lập tổ chức theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động:

a) Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ được cơ quan, tổ chức thành lập phê duyệt. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu quy định trong điều lệ phải phù hợp với ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức chủ quản đó. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ do cơ quan, tổ chức phê duyệt điều lệ quyết định hoặc được quy định trong điều lệ.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, quy chế tổ chức và hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có thể thay thế điều lệ của tổ

chức.

Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ thành lập dưới hình thức góp vốn hợp tác phải có chữ ký của các bên góp vốn hợp tác và được một bên là cơ quan, tổ chức phê duyệt theo uỷ quyền của các bên góp vốn hợp tác còn lại.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài, nội dung, lĩnh vực hoạt động phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật khoa học và công nghệ.

b) Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập theo Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều lệ phải có chữ ký của cá nhân hoặc các cá nhân thành lập, được cơ quan cấp giấy chứng nhận thẩm định trước khi cấp và có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận. Lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với cơ sở giáo dục đại học, điều lệ thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Tên của tổ chức phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể như sau:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: bao gồm hình thức của tổ chức (viện, trung tâm...) và tên riêng của tổ chức; phần tên riêng phải phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ chính của tổ chức.

Tên giao dịch quốc tế: tên tổ chức khoa học và công nghệ bằng tiếng nước ngoài được dịch từ tên tiếng Việt tương ứng; phần tên riêng có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Tên viết tắt: nếu tổ chức khoa học và công nghệ có tên viết tắt (kể cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài), thì tên viết tắt phải bao gồm những chữ cái đầu của các từ là yếu tố chính của tên (cụm từ) đó.

Tổ chức khoa học và công nghệ phải tự chịu trách nhiệm về việc lựa chọn tên của tổ chức mình, bao gồm tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên giao dịch quốc tế và tên viết tắt.

đ) Vốn điều lệ:

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, vốn điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định khi thành lập.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài, vốn điều lệ do tổ chức, cá nhân thành lập quyết định. Trong đó, vốn bằng tiền tại thời điểm đăng ký phải bảo đảm đủ kinh phí hoạt động thường xuyên (bao gồm tiền lương, tiền công và tiền chi hoạt động bộ máy...) của tổ chức ít nhất trong 01 năm.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài, tỷ lệ vốn góp của bên nước ngoài phải chiếm ít nhất 10% vốn điều lệ của tổ chức.

e) Người đại diện theo pháp luật là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của điều lệ hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nhân lực khoa học và công nghệ:

a) Điều kiện về nhân lực

Nhân lực khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Tổ chức khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện phải có ít nhất một người có trình độ tiến sĩ phù hợp với lĩnh vực chủ yếu xin đăng ký hoạt động và làm việc theo chế độ chính thức.

Cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia hoạt động trong các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

b) Bảng danh sách nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học theo Mẫu 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với tổ chức là cơ sở giáo dục đại học, Bảng danh sách chỉ kê khai nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu và triển khai trong các lĩnh vực đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

c)² Đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài, ngoài Bảng danh sách nhân lực theo Mẫu 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, phải có thêm các tài liệu sau đây:

- Đối với nhân lực chính thức:

+ Đơn đề nghị được làm việc chính thức theo Mẫu 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Bản sao (có chứng thực) các văn bằng đào tạo.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan cấp giấy chứng nhận có quyền yêu cầu xuất trình bản gốc giấy tờ liên quan đến hồ sơ cá nhân đó để đối chứng.

- Đối với nhân lực kiêm nhiệm:

+ Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Bản sao (có chứng thực) các văn bằng đào tạo.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan cấp giấy chứng nhận có quyền yêu cầu xuất trình bản gốc giấy tờ liên quan đến hồ sơ cá nhân đó để đối chứng.

5. Người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ là viện trưởng, giám

² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 15/2023/TT-BKHCHN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCHN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCHN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

độc trung tâm hoặc các chức vụ tương đương.

a) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải có trình độ đại học trở lên, có năng lực chuyên môn phù hợp và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm tham gia quản lý.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập dưới hình thức viện, người đứng đầu phải có trình độ tiến sĩ. Trường hợp thành lập viện công lập trong một số ngành, lĩnh vực đặc thù, trình độ người đứng đầu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

b) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý, năng lực chuyên môn phù hợp và phải làm việc theo chế độ chính thức.

c) Hồ sơ của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:

- Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Lý lịch khoa học theo Mẫu 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao (có chứng thực hợp pháp) các văn bằng đào tạo.

d) Hồ sơ của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài bao gồm:

- Tài liệu chứng minh như đối với nhân lực làm việc chính thức quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này;

- Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (trừ trường hợp tổ chức do cá nhân thành lập);

- Lý lịch khoa học theo Mẫu 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:

a) Tổng số vốn ghi trên Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ là tổng giá trị cơ sở vật chất - kỹ thuật quy ra tiền tại thời điểm đăng ký hoạt động. Số vốn này là một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài, ngoài Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, phải có thêm các tài liệu sau đây:

- Biên bản họp của những người sáng lập/các bên góp vốn hợp tác ghi rõ những nội dung sau: tỉ lệ góp vốn; tổng số vốn (bằng tiền và tài sản quy ra đồng

Việt Nam), trong đó số vốn góp bằng tiền phải bảo đảm đủ kinh phí hoạt động thường xuyên ít nhất trong 01 năm theo số lượng nhân lực và quy mô hoạt động của tổ chức;

- Cam kết góp vốn (bằng tiền và tài sản) của từng cá nhân/các bên góp vốn hợp tác (nếu có);

- Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với phần vốn đã cam kết góp;

7. Trụ sở chính:

a) Trụ sở chính là nơi làm việc riêng biệt để giao dịch, liên lạc và được đặt trong lãnh thổ Việt Nam. Trụ sở chính có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).

b) Hồ sơ chứng minh trụ sở chính phải có một trong các giấy tờ sau:

- Bản sao (có chứng thực hợp pháp) giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức khoa học và công nghệ đối với địa điểm nơi đặt trụ sở chính;

- Bản sao (có chứng thực hợp pháp) giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở chính; trường hợp bản sao hợp đồng không có chứng thực hợp pháp, tổ chức có thể xuất trình bản chính để người tiếp nhận hồ sơ đối chiếu và ký xác nhận vào bản sao.

c) Ngoài trụ sở chính, nếu có nhu cầu tổ chức khoa học và công nghệ có thể đăng ký các địa điểm hoạt động khác tại cùng tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính.

Hồ sơ đăng ký địa điểm hoạt động khác áp dụng như hồ sơ về trụ sở chính.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận

1. Đề nghị thay đổi, bổ sung:

a) Khi thay đổi, bổ sung một trong các nội dung ghi trên Giấy chứng nhận, tổ chức khoa học và công nghệ vẫn phải bảo đảm các điều kiện tương ứng được quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung một hoặc một số thông tin ghi trên Giấy chứng nhận bao gồm:

- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy chứng nhận đã được cấp;

- Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi, bổ sung tương ứng, cụ thể như sau:

+ Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức:

Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; hồ sơ về nhân lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật để đáp ứng hoạt động trong lĩnh vực thay đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Thông tư này (nếu có).

+ Thay đổi tên của tổ chức:

Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức:

Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp hoặc thay đổi cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Thay đổi người đứng đầu tổ chức:

Hồ sơ của người đứng đầu (theo quy định tại Điều 6 Thông tư này).

+ Thay đổi về trụ sở chính của tổ chức (trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này):

Hồ sơ về trụ sở chính (theo quy định tại Điều 6 Thông tư này).

+ Thay đổi về tổng số vốn theo đề nghị của tổ chức:

Hồ sơ liên quan đến vốn (theo quy định tại Điều 6 Thông tư này).

b) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi trụ sở chính (chuyển sang tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đã đăng ký hoạt động) dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận, tổ chức phải có văn bản đề nghị thay đổi trụ sở chính gửi cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận, kèm theo báo cáo tình hình hoạt động và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan cấp Giấy chứng nhận có văn bản xác nhận tổ chức khoa học và công nghệ đã hoàn tất thủ tục đồng thời gửi bản sao Giấy chứng nhận và hồ sơ đăng ký hoạt động của tổ chức cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận nơi tổ chức chuyên trụ sở đến.

Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận mới. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Hồ sơ về trụ sở chính (theo quy định tại Điều 6 Thông tư này);

Thông tin về Giấy chứng nhận cũ (số, ngày và cơ quan cấp) được ghi trên Giấy chứng nhận mới để bảo đảm tính liên tục hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận:

a) Trường hợp mất Giấy chứng nhận, tổ chức khoa học và công nghệ phải đề nghị cấp lại sau khi đã khai báo với cơ quan công an nơi mất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Xác nhận của cơ quan công an;

- Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo này.

b) Trường hợp Giấy chứng nhận bị rách, nát, tổ chức khoa học và công nghệ được đề nghị cấp lại, hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy chứng nhận đã được cấp.

Chương III

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP, NGOÀI CÔNG LẬP VÀ CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh

Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh và hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh được quy định tại Điều 20 Nghị định số 08/2013/NĐ-CP.

1. Đăng ký lần đầu:

Điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. Các tài liệu trong hồ sơ được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh theo Mẫu 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh;

c) Tài liệu chứng minh về người đứng đầu, nhân lực, trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh: áp dụng như đối với tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại Điều 6 Thông tư này;

d) Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.

2. Đăng ký thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động:

Trường hợp thay đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung ghi trong Giấy chứng nhận hoạt động hoặc Giấy chứng nhận hoạt động bị mất, rách, nát, vỡ

phòng đại diện, chi nhánh đăng ký thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động tại Sở Khoa học và Công nghệ nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh theo quy định như đối với tổ chức khoa học và công nghệ tại Điều 7 Thông tư này.

Khi đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung ghi trên Giấy chứng nhận hoạt động, văn phòng đại diện, chi nhánh vẫn phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh theo Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận hoạt động

1. Văn phòng đại diện, chi nhánh bị đình chỉ hiệu lực của Giấy chứng nhận hoạt động đến 06 tháng trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai hoạt động sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận hoạt động;

b) Ngừng hoạt động quá 12 tháng liên tục mà không có lý do chính đáng;

c) Không bảo đảm các điều kiện tối thiểu tương ứng được quy định tại Khoản 1 Điều 20 quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP trong thời hạn 12 tháng liên tục;

d) Khi Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản bị đình chỉ hiệu lực;

đ) Không đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có thay đổi, bổ sung hoặc mất Giấy chứng nhận hoạt động.

2. Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh bị huỷ bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Giả mạo nội dung kê khai trong hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận hoạt động;

b) Theo quyết định, đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền khi văn phòng đại diện, chi nhánh có hành vi vi phạm trong quá trình hoạt động;

c) Quá thời hạn đình chỉ Giấy chứng nhận hoạt động mà văn phòng đại diện, chi nhánh không tiến hành các biện pháp khắc phục hoặc không khắc phục được theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản bị huỷ bỏ hiệu lực;

đ) Theo quyết định chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.

3. Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận hoạt động đã cấp cho văn phòng đại diện, chi nhánh trong các

trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này và thông báo cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

Chương IV
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài

1. Đề nghị cấp Giấy phép:

Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; lĩnh vực hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 và Khoản 2 Điều 15 Luật khoa học và công nghệ.

Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đề nghị thay đổi, bổ sung Giấy phép:

Khi đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung của Giấy phép, văn phòng đại diện, chi nhánh vẫn phải bảo đảm các điều kiện tối thiểu tương ứng được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 15 của Luật Khoa học và Công nghệ. Giấy phép được cấp sau khi thay đổi, bổ sung có thời hạn không vượt quá thời hạn của Giấy phép đã được cấp.

Hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung Giấy phép do đại diện có thẩm quyền của văn phòng đại diện, chi nhánh ký;
- b) Giấy phép đã được cấp;
- c) Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi, bổ sung tương ứng, cụ thể như sau:

- Thay đổi thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài ghi trong Giấy phép:

Bản sao giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được hợp pháp hóa lãnh sự.

- Thay đổi tên của văn phòng đại diện, chi nhánh:

Văn bản liên quan đến việc thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài dẫn đến thay đổi tên của văn phòng đại diện, chi nhánh.

- Thay đổi địa chỉ trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh:

Hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh (theo quy định tại Điều 6 Thông tư này).

Đối với trường hợp thay đổi trụ sở sang tỉnh/thành phố khác phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về việc cho phép đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh.

- Thay đổi về người đứng đầu:

Điều kiện và hồ sơ người đứng đầu theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

- Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh:

Bản sao (được hợp pháp hóa lãnh sự) điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của chi nhánh, hoặc quyết định về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện; hồ sơ về nhân lực để đáp ứng hoạt động trong lĩnh vực thay đổi, bổ sung áp dụng như đối với tổ chức khoa học và công nghệ (theo quy định tại Điều 6 Thông tư này).

3. Đề nghị gia hạn Giấy phép:

Trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động tại Việt Nam phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép.

Thời hạn gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài căn cứ theo thời gian hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài (nếu có) và không vượt quá 5 năm.

Hồ sơ đề nghị gia hạn bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép do đại diện có thẩm quyền của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài ký;

b) Bản sao (được hợp pháp hóa lãnh sự) báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

c) Giấy phép đã được cấp;

d) Bản sao (được hợp pháp hóa lãnh sự) giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

4. Đề nghị cấp lại Giấy phép:

a) Trường hợp mất Giấy phép phải đăng ký cấp lại sau khi đã khai báo với cơ quan công an nơi mất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày thông báo lần cuối cùng, văn phòng đại diện, chi nhánh nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản của văn phòng đại diện, chi nhánh đề nghị cấp lại Giấy phép;

- Xác nhận của cơ quan công an;

- Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo này.

b) Trường hợp Giấy phép bị rách, nát, văn phòng đại diện, chi nhánh được đề nghị cấp lại, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản của văn phòng đại diện, chi nhánh đề nghị cấp lại Giấy phép;
- Giấy phép đã được cấp.

5. Kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, thời hạn thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép trong trường hợp thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép là 15 ngày làm việc; trường hợp gia hạn Giấy phép là 30 ngày làm việc. Trường hợp cơ quan cấp giấy phép không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy phép

1. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực đến 06 tháng trong các trường hợp sau đây:

- a) Quá 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, văn phòng đại diện, chi nhánh không triển khai hoạt động;
- b) Ngừng hoạt động quá 12 tháng liên tục mà không có lý do chính đáng;
- c) Không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 21 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP trong thời hạn 12 tháng liên tục;
- d) Không đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có thay đổi, bổ sung hoặc mất Giấy phép.

2. Giấy phép bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

- a) Giả mạo nội dung kê khai trong hồ sơ để được cấp Giấy phép;
- b) Quá thời hạn đình chỉ hiệu lực Giấy phép mà văn phòng đại diện, chi nhánh không tiến hành các biện pháp khắc phục hoặc không khắc phục được theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Theo quyết định, đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền khi văn phòng đại diện, chi nhánh có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động;
- d) Theo quyết định chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;
- đ) Tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài chấm dứt hoạt động.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy phép đã cấp cho văn phòng đại diện, chi nhánh trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này và thông báo cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỰC THUỘC, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài

Điều kiện, hồ sơ và trình tự thủ tục đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Đơn đề nghị thành lập theo Mẫu 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài

Điều kiện, hồ sơ và trình tự, thủ tục đề nghị thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Đơn đề nghị thành lập theo Mẫu 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương VI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Mẫu báo cáo tình hình hoạt động

1. Mẫu báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức công lập báo cáo theo Mẫu 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tổ chức ngoài công lập và có vốn nước ngoài báo cáo theo Mẫu 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tổ chức là cơ sở giáo dục đại học báo cáo theo Mẫu 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu báo cáo tình hình hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong nước báo cáo theo Mẫu 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam báo cáo theo Mẫu 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động

1. Chế độ báo cáo:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nộp báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

b) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức khoa học

và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu, giải thích những vấn đề liên quan.

2. Trách nhiệm lập và nộp báo cáo:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ có nghĩa vụ chấp hành báo cáo tình hình hoạt động đầy đủ, chính xác những chỉ tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo; lập báo cáo theo đúng quy định về thời điểm báo cáo và thời kỳ báo cáo; chịu trách nhiệm về tính xác thực của những thông tin trong báo cáo.

b) Phương thức nộp báo cáo: báo cáo tình hình hoạt động được thực hiện báo cáo bằng văn bản đồng thời gửi tệp dữ liệu báo cáo (qua thư điện tử) đến cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP, CƠ QUAN CHỦ QUẢN VÀ CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép

1. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép cho các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, kiểm tra hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh theo các nội dung đã ghi trong Giấy chứng nhận, Giấy phép đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, xử lý và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện việc công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ thông tin về các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép; các trường hợp bị đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận, Giấy phép.

d) Hướng dẫn các Sở Khoa học và Công nghệ về nghiệp vụ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận hoạt động cho các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, kiểm tra hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh theo các nội dung đã ghi trong Giấy chứng nhận do Sở Khoa học và Công nghệ cấp, xử lý và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả công tác cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận hoạt động cho tổ chức khoa học và công nghệ, văn

phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

d) Thực hiện việc công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ thông tin về các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận hoạt động; các trường hợp bị đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận hoạt động.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ quản và của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư này.

b) Quản lý tổ chức khoa học và công nghệ theo thẩm quyền; giải thể, chia tách, sáp nhập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các vi phạm của tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định.

2. Trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Đăng bố cáo thành lập và đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trên phương tiện thông tin đại chúng.

c) Treo biển hiệu tại trụ sở chính, địa điểm hoạt động, trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ, chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép. Biển hiệu phải có kích thước tối thiểu là 30cm x 50cm.

d) Thực hiện đúng chế độ báo cáo tình hình hoạt động hằng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu cho cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép.

đ) Báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan về việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động.

e) Hoạt động đúng lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận, Giấy phép đã được cấp và theo quy định của pháp luật; thực hiện đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy phép theo quy định.

g) Có trách nhiệm thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt.

h) Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, tổ chức khoa học và công nghệ trước khi thực hiện các hoạt động phải được

phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

i) Đối với tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trong các lĩnh vực mà điều kiện thành lập đã được quy định tại văn bản do cơ quan có thẩm quyền cao hơn ban hành (Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) thì áp dụng quy định tại các văn bản đó.

k) Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh phải nộp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận hoạt động, Giấy phép cho cơ quan đã cấp khi bị hủy bỏ hiệu lực và thông báo cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện rà soát điều kiện thành lập theo quy định của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và Thông tư này, nếu chưa đáp ứng thì phải tự hoàn thiện các điều kiện theo quy định, chậm nhất trước ngày 15/3/2016.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ đã đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Khoa học và công nghệ, khi có thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận hoạt động, Giấy phép tiếp tục thực hiện tại cơ quan đã cấp lần đầu.

4. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận, phê duyệt điều lệ theo quy định của Nghị định số 80/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, thẩm quyền quyết định thay đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của các tổ chức này thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Hiệu lực thi hành³

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ và Thông tư số 01/2011/TT-BKHHCN ngày 16/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công

³ Điều 3 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 quy định như sau:

"1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./."

nghe hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 12 /VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công thông tin điện tử Bộ KH&CN (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, VP Bộ, VPĐK.

Lee



Lê Xuân Định

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. ⁴ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ (Mẫu 1):

2. ⁵ Giấy phép thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu 2).

3. ⁶ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ (Mẫu 3).

4. ⁷ Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập và có vốn nước ngoài (Mẫu 4).

5. ⁸ Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (Mẫu 5).

6. ⁹ Đơn đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài (Mẫu 6).

7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập

Mẫu 7

03/2014/TT-BKHHCN

8. Bảng danh sách nhân lực

Mẫu 8

03/2014/TT-BKHHCN

⁴ Mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 1 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

⁵ Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 2 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

⁶ Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 3 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

⁷ Mẫu 4 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 4 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

⁸ Mẫu 5 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 5 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

⁹ Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 6 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

9. ¹⁰Đơn đề nghị được làm việc chính thức (Mẫu 9).
 10. ¹¹Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10).
 11. ¹²Lý lịch khoa học của người đứng đầu tổ chức (Mẫu 11).

12. Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật

Mẫu 12

03/2014/TT-BKHCN

13. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận/Giấy chứng nhận hoạt động

Mẫu 13

03/2014/TT-BKHCN

14. ¹³Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (Mẫu 14).

15. ¹⁴Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu 15).

16. Đơn đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài

Mẫu 16

03/2014/TT-BKHCN

17. Đơn đề nghị thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ

Mẫu 17

03/2014/TT-BKHCN

18. Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Mẫu 18

03/2014/TT-BKHCN

¹⁰ Mẫu 9 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 9 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

¹¹ Mẫu 10 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 10 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

¹² Mẫu 11 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 11 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

¹³ Mẫu 14 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 14 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

¹⁴ Mẫu 15 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 15 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

19. Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài

Mẫu 19

03/2014/TT-BKHHCN

20. Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ là cơ sở giáo dục đại học

Mẫu 20

03/2014/TT-BKHHCN

21. ¹⁵Báo cáo tình hình hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức tổ chức khoa học và công nghệ trong nước (Mẫu 21).

22. ¹⁶Báo cáo tình hình hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu 22).

¹⁵ Mẫu 21 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 21 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

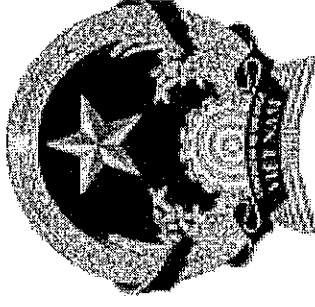
¹⁶ Mẫu 22 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 22 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

⁴ Mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 1 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày tháng năm
Đăng ký lần thứ: ngày tháng năm

Tên tổ chức khoa học và công nghệ: ⁽¹⁾

Tên viết tắt: *(nếu có)*

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*

Trụ sở chính:

Địa điểm hoạt động: *(nếu có)*

Tổng số vốn: ⁽²⁾ triệu đồng

Cơ quan quyết định thành lập: ⁽³⁾

Quyết định thành lập: số ngày

Cơ quan quản lý trực tiếp: ⁽⁴⁾

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:

Nơi cấp:

Ngày cấp:

SỐ ĐĂNG KÝ:

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ TRƯỞNG

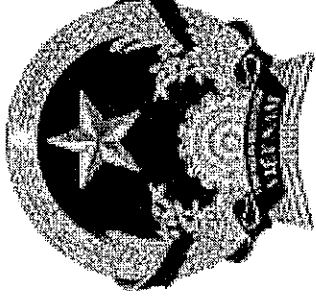
- ⁽¹⁾ Tổ chức có vốn nước ngoài ghi là: "Tên tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài."
- ⁽²⁾ Tổ chức có vốn nước ngoài ghi thêm: "trong đó, số vốn của bên nước ngoài: "
- ⁽³⁾ Tổ chức do cá nhân thành lập ghi: "Biên bản của Hội đồng sáng lập ngày "
- ⁽⁴⁾ Tổ chức do cá nhân thành lập ghi: "Không có (tổ chức do cá nhân thành lập)"

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

Văn phòng đại diện/Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy phép khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy phép.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy phép.
4. Làm thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy phép theo quy định khi Giấy phép bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY PHÉP

**THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

⁵ Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 2 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

- Theo đề nghị của Giám đốc Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức:

Trụ sở chính:

Quốc tịch:

Được thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại tỉnh/thành phố:

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài:

Tên viết tắt (nếu có):

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Ông/bà:

Ngày sinh:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: nơi cấp: ngày cấp:

Chức danh:

Điều 5. Lĩnh vực hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến: ngày tháng năm .

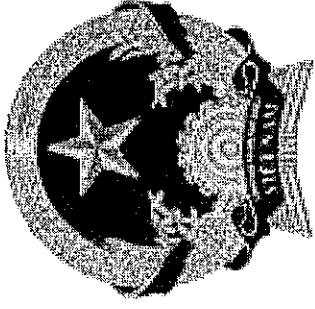
BỘ TRƯỞNG

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

⁶ Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 3 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ...**

**CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đăng ký lần đầu, ngày tháng năm
Đăng ký lần thứ: ngày tháng năm*

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên viết tắt: (nếu có)

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: (nếu có)

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: (nếu có)

Trụ sở chính:

Địa điểm hoạt động: (nếu có)

Tổng số vốn: triệu đồng

Cơ quan quyết định thành lập: ⁽¹⁾

Quyết định thành lập: số ngày

Cơ quan quản lý trực tiếp: ⁽²⁾

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:

Nơi cấp:

Ngày cấp:

SỐ ĐĂNG KÝ:

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

⁽¹⁾ Tổ chức do cá nhân thành lập ghi: "Biên bản của Hội đồng sáng lập ngày "

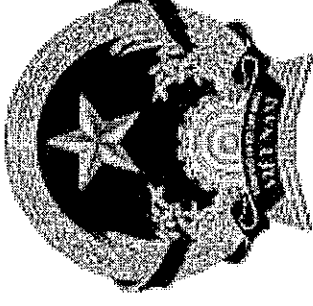
⁽²⁾ Tổ chức do cá nhân thành lập ghi: "Không có (tổ chức do cá nhân thành lập)"

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG

Văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận hoạt động.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận hoạt động.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận hoạt động theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động theo quy định khi Giấy chứng nhận hoạt động bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
**HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/
CHI NHÁNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH**

Đăng ký lần đầu, ngày tháng năm
Đăng ký lần thứ: ngày tháng năm

Tên văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên viết tắt: (nếu có)

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: (nếu có)

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: (nếu có)

Trụ sở văn phòng đại diện/chi nhánh:

Người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh:

Họ và tên:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Hoạt động theo uỷ quyền của tổ chức:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ

Số: do: cấp ngày:

SỐ ĐĂNG KÝ:

Lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh:

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ/ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/tp ...

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

3. Cơ quan/tổ chức quyết định thành lập:

Tên cơ quan/tổ chức:

Quyết định thành lập số: ngày

(Hoặc “Biên bản của Hội đồng sáng lập ngày ”, đối với tổ chức do cá nhân thành lập).

4. Người đứng đầu:

Họ và tên:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:

nơi cấp:

ngày cấp:

Điện thoại:

Email:

Trình độ đào tạo:

Chức danh khoa học (nếu có):

5. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ: ghi tóm tắt (căn cứ vào quyết định thành lập và điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức).

6. Tổng số vốn:

Số tiền: triệu đồng

7. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký hoạt động.

- Hoạt động theo đúng nội dung Giấy chứng nhận được cấp, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tổ chức.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC

(ký và ghi rõ họ, tên)

⁸ Mẫu 5 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 5 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP THÀNH LẬP TỔ CHỨC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

..... (ghi tên đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài với các nội dung sau:

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ: (Ghi tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; tên viết tắt bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có)).

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

3. Người đứng đầu:

Họ và tên:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:

nơi cấp:

ngày cấp:

Điện thoại:

Email:

Trình độ đào tạo:

Chức danh khoa học (nếu có):

4. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thành lập:

Ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân và các thông tin liên quan (quốc tịch/hộ chiếu, Giấy chứng nhận hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, thời gian hoạt động, địa chỉ liên hệ), tỉ lệ góp vốn, số tiền góp vốn.

6. Tổng số vốn:

Số tiền: triệu đồng

Trong đó, số vốn bên nước ngoài:

triệu đồng

7. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về thành lập và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài và các quy định khác của pháp luật.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

⁹ Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 6 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

7. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:

a) Tổng số vốn (triệu đồng):

b) Tổng số vốn tại thời điểm hiện tại (triệu đồng (tạm tính)):

8. Tình hình tài chính của đơn vị trong năm:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng kinh phí chi thường xuyên	
2	Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở	
3	Tổng kinh phí do tài trợ của tổ chức, cá nhân	
4	Tổng kinh phí thu sự nghiệp (thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu)	
5	Tổng doanh thu	
6	Số tiền nộp thuế	
7	Thu nhập bình quân tháng của cán bộ, công nhân viên	

9. Tình hình hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị trong năm:

a) Bảng tổng hợp:

TT	Nội dung	Số lượng
1	Đề tài, dự án thực hiện	
2	Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	
3	Các hoạt động khác	
4	Bằng sáng chế độc quyền được cấp	
5	Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	
6	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	
7	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	

b) Bảng chi tiết:

Các đề tài, dự án KH&CN thực hiện trong năm

TT	Tên đề tài, dự án	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Kinh phí (tr.đồng)	Nguồn kinh phí	Kết quả (công nghệ, sản phẩm...)
1						
2						
3						
...						

Các hợp đồng dịch vụ KH&CN thực hiện trong năm

TT	Tên Hợp đồng	Loại hình dịch vụ KH&CN					Giá trị HĐ (tr.đồng)	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Đối tác ký HĐ
		Chuyên gia công nghệ	Dịch vụ kỹ thuật	Tư vấn	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Khác			
1									
2									
3									
...									

Các hoạt động khác của đơn vị trong năm:

10. Đánh giá chung:

11. Kiến nghị, đề xuất:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC
(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
là cơ sở giáo dục đại học, năm...

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ (viết bằng chữ in hoa):
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:
(Ghi rõ số, ngày cấp các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN lần đầu, các lần thay đổi, bổ sung, gia hạn)
3. Văn phòng đại diện/Chi nhánh (nếu có):
 - a) Địa chỉ:
 - b) Giấy chứng nhận hoạt động: (ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp)
4. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị:

Khoa học Tự nhiên	<input type="checkbox"/>	Khoa học Kỹ thuật và công nghệ	<input type="checkbox"/>
Khoa học Y dược	<input type="checkbox"/>	Khoa học Xã hội	<input type="checkbox"/>
Khoa học Nhân văn	<input type="checkbox"/>	Khoa học Nông nghiệp	<input type="checkbox"/>
5. Những nội dung thay đổi trong Giấy chứng nhận chưa đăng ký:

Tên tổ chức KH&CN	<input type="checkbox"/>	Cơ quan quyết định thành lập	<input type="checkbox"/>
Trụ sở chính	<input type="checkbox"/>	Cơ quan quản lý trực tiếp	<input type="checkbox"/>
Tổng số vốn	<input type="checkbox"/>	Người đứng đầu tổ chức	<input type="checkbox"/>
Quyết định thành lập	<input type="checkbox"/>	Lĩnh vực hoạt động	<input type="checkbox"/>
6. Nhân lực khoa học và công nghệ:

Đơn vị: người

TT	Phân loại nhân lực	Chế độ làm việc		Giới tính		Độ tuổi		
		Chính thức	Kiểm nhiệm	Nam	Nữ	≤45	> 45 và ≤ 60	Trên 60
1	TS							
2	ThS							
3	ĐH, CĐ							
	Tổng số							

7. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:

a) Tổng số vốn (triệu đồng):

b) Tổng số vốn tại thời điểm hiện tại (triệu đồng (tạm tính)):

8. Tình hình tài chính của đơn vị trong năm:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở	
2	Tổng kinh phí thu hoạt động khoa học và công nghệ (thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu)	
3	Số tiền nộp thuế	

9. Tình hình hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị trong năm:

a) Bảng tổng hợp:

TT	Nội dung	Số lượng
1	Đề tài, dự án thực hiện	
2	Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	
3	Các hoạt động khác	
4	Bằng sáng chế độc quyền được cấp	
5	Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	
6	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	
7	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	

b) Bảng chi tiết:

Các đề tài, dự án KH&CN thực hiện trong năm

TT	Tên đề tài, dự án	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Kinh phí (tr.đồng)	Nguồn kinh phí	Kết quả (công nghệ, sản phẩm...)
1						
2						
3						
...						

Các hợp đồng dịch vụ KH&CN thực hiện trong năm

TT	Tên Hợp đồng	Loại hình dịch vụ KH&CN					Giá trị HĐ (tr. đồng)	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Đối tác ký HĐ
		Chuyên giao công nghệ	Dịch vụ kỹ thuật	Tư vấn	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Khác			
1									
2									
3									
...									

Các hoạt động khác của đơn vị trong năm:

10. Đánh giá chung:

11. Kiến nghị, đề xuất:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC
(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong nước, năm....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh...

1. Văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên đầy đủ (viết bằng chữ in hoa):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Giấy chứng nhận hoạt động: Số: Ngày cấp:

2. Hoạt động theo ủy quyền của tổ chức:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Số: Cơ quan cấp: Ngày cấp:

3. Nhân lực của văn phòng đại diện/chi nhánh:

a) Ghi rõ thông tin của từng người làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh: họ và tên, số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: nơi cấp: ngày cấp: , chức danh và chế độ làm việc.

b) Tình hình thay đổi nhân sự trong năm (báo cáo chi tiết về):

- Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

- Thay đổi số người làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

4. Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh trong năm:

(Ghi tóm tắt những hoạt động do văn phòng đại diện/chi nhánh chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện trong năm)

5. Đánh giá chung:

6. Kiến nghị, đề xuất:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ CHI NHÁNH
(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

¹⁵ Mẫu 21 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 21 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam, năm....

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên đầy đủ (viết bằng chữ in hoa):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy phép thành lập:

Số: Ngày cấp:

Thời hạn hoạt động: từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm

3. Thông tin giao dịch:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:

fax:

email:

4. Nhân lực của văn phòng đại diện/chi nhánh:

a) Ghi rõ thông tin của từng người làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh: họ và tên, số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: nơi cấp: ngày cấp: , chức danh và chế độ làm việc

b) Tình hình thay đổi nhân sự trong năm (báo cáo chi tiết về):

- Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

- Thay đổi số người nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

- Thay đổi số người Việt Nam làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

5. Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh trong năm:

(Ghi tóm tắt những hoạt động tại Việt Nam do văn phòng đại diện/chi nhánh chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện trong năm)

6. Đánh giá chung:

7. Kiến nghị, đề xuất:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ CHI NHÁNH
(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

¹⁶ Mẫu 22 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014 được thay thế bởi Mẫu 22 quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.